

KẾ HOẠCH

Hành động phát triển ngành tôm tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025

Thực hiện Quyết định số 79/QĐ-TTg ngày 18/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025; Công văn số 1623/BNN-TCTS ngày 27/02/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc triển khai Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 với nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Phát triển ngành tôm tỉnh Thanh Hóa trở thành ngành sản xuất lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao chất lượng, giá trị, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2018-2020: Tăng năng suất, sản lượng, chất lượng và giá trị sản phẩm tôm thông qua áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, tổ chức lại sản xuất; xây dựng nền tảng cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững ở giai đoạn tiếp theo với các chỉ tiêu cụ thể:

- Tổng diện tích nuôi tôm nước lợ đạt 4.101 ha (Tôm thẻ chân trắng thâm canh 500ha, tôm sú nuôi sinh thái 3.610ha).

- Đến năm 2020, tổng sản lượng tôm nuôi đạt 7.220 tấn (Tôm thẻ chân trắng 6.000 tấn, tôm sú 1.220 tấn); sản lượng tăng 1,5% so với chỉ tiêu phân bổ tại kế hoạch quốc gia.

- Giá trị sản xuất đạt khoảng 1.048 tỷ đồng;

2.2. Giai đoạn 2021-2025: Nuôi tôm công nghệ cao được hình thành ở các vùng sản xuất trọng điểm; vùng nuôi tôm hữu cơ được áp dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm dựa trên các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ kỹ thuật được đầu tư đồng bộ với các chỉ tiêu cụ thể:

- Tổng diện tích nuôi tôm nước lợ đạt 4.717 ha (Tôm thẻ chân trắng thâm canh 700 ha, tôm sú 4.017ha).

- Tổng sản lượng tôm nuôi đạt 10.700 tấn (Tôm thẻ chân trắng 9.100 tấn, tôm sú 1.600 tấn); sản lượng tăng 37% so với chỉ tiêu phân bổ tại kế hoạch quốc gia.

- Giá trị sản xuất đạt khoảng 1.535 tỷ đồng.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Phát huy tiềm năng về điều kiện tự nhiên, các lợi thế về thị trường, và kinh nghiệm của người dân kết hợp ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để phát triển ngành tôm hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Từng bước ứng dụng công nghệ cao và các thành tựu khoa học kỹ thuật mang tính đột phá, thân thiện môi trường, phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện sản xuất của Thanh Hóa để tăng năng suất, sản phẩm có chất lượng cao và hướng tới không sử dụng hóa chất, thuốc kháng sinh ở tất cả các phương thức nuôi và các khâu trong chuỗi sản xuất, lưu thông sản phẩm tôm.

3. Tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị; hình thành các hợp tác xã hoặc tổ hợp tác nuôi tôm liên kết với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm nhằm giảm các chi phí trung gian, nâng giá trị cạnh tranh.

4. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất hiệu quả, ổn định và bền vững.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Đối với nuôi tôm thâm canh

- Rà soát, bổ sung quy hoạch, kế hoạch các vùng nuôi tôm thâm canh theo hướng từng bước chuyên diện tích nuôi tôm sú quảng canh, cải tiến có các điều kiện phù hợp sang nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại 5 khu nuôi tôm công nghiệp (xã Nga Tân, huyện Nga Sơn; xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc; xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa; xã Thanh Thủy, huyện Tĩnh Gia; xã Trường Giang, huyện Nông Cống). Bổ sung các vùng nuôi đã được Dự án nguồn lợi ven biển vì phát triển bền vững đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, đường giao thông, xây dựng hệ thống điện tại các vùng nuôi thuộc các xã Quảng Chính, Quảng Khê huyện Quảng Xương; xã Hoàng Lưu, Hoàng Phong huyện Hoàng Hóa; xã Xuân Lộc huyện Hậu Lộc. Các vùng đang triển khai dự án đầu tư nuôi tôm thâm canh gồm xã Minh Lộc, xã Hòa Lộc huyện Hậu Lộc và một số vùng có điều kiện thuận lợi khác.

- Đối với những vùng đã được ngân sách nhà nước đầu tư, nâng cấp đảm bảo điều kiện nuôi tôm chân trắng thâm canh trong năm 2016-2018 gồm xã Thanh Thủy huyện Tĩnh Gia và xã Nga Tân huyện Nga Sơn với tổng diện tích 106 ha, yêu cầu các chủ đồng đưa 100% diện tích vào nuôi tôm thâm canh ngay khi hoàn thành đầu tư.

- Từng bước nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi và cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đặc biệt xây dựng hệ thống điện ba pha đảm bảo cung cấp đủ điện cho các vùng sản xuất tôm thâm canh khi có yêu cầu.

- Nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm tôm bằng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ mới. Đến năm 2020 đưa năng suất tôm chân trắng thâm canh bình quân của 500ha đạt 12 tấn/ha, tổng sản lượng đạt 6.000 tấn/năm; đến năm 2025, năng suất tôm chân trắng thâm canh bình quân của 700ha đạt 13 tấn/ha, sản lượng đạt 9.100 tấn/năm.

2. Đối với nuôi tôm quảng canh cải tiến, nuôi sinh thái

- Tiếp tục hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng đầu mối (giao thông, kênh mương cấp thoát nước) phục vụ các vùng sản xuất tôm sinh thái tập trung để đạt mục tiêu nuôi tôm hiệu quả, bền vững.

- Nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm, đưa năng suất trung bình tôm nuôi sinh thái, tôm quảng canh cải tiến của 4.017ha từ 0,25 tấn/ha/năm lên 0,4tấn/ha/năm vào năm 2025 bằng các giải pháp kỹ thuật về giống và công nghệ nuôi.

3. Đối với chế biến và tiêu thụ các sản phẩm tôm

- Áp dụng các quy trình quản lý tiên tiến và công nghệ mới vào khâu thu hoạch, vận chuyển, chế biến, bảo quản các loại sản phẩm tôm để tiết kiệm nhiên liệu, giảm giá thành sản phẩm, tăng tỷ trọng mặt hàng giá trị gia tăng.

- Quản lý, kiểm soát chặt chẽ hoạt động thu mua tôm nguyên liệu; kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm, kiên quyết ngăn chặn các hoạt động bơm, chích tạp chất vào sản phẩm tôm.

- Duy trì các thị trường hiện tại và mở rộng xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng, chuyển dần từ xuất khẩu tiểu ngạch sang xuất khẩu chính ngạch.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về tổ chức và quản lý sản xuất

- Đẩy nhanh tiến độ và tăng cường nhân rộng, chuyển giao các mô hình đã thử nghiệm nuôi tôm thành công trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các mô hình tổ chức sản xuất phù hợp với hình thức sản xuất:

+ Trong vùng nuôi tập trung: Thành lập các tổ chức để thực hiện quản lý sản xuất và vận hành các công trình hạ tầng công; các tổ chức có thể là Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản, Hội nuôi trồng thủy sản, Tổ cộng đồng nuôi trồng thủy sản.

+ Xây dựng các tổ chức liên kết giữa các vùng nuôi như hội, hiệp hội nuôi tôm để hỗ trợ nhau trong quá trình sản xuất.

+ Xây dựng liên kết giữa cơ sở, vùng nuôi tôm với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, giảm bớt các khâu trung gian để tăng hiệu quả sản xuất.

- Kiểm tra, kiểm soát hệ thống sản xuất và kinh doanh con giống, thức ăn, thuốc, hóa chất, vật tư phục vụ ngành tôm trên địa bàn tỉnh; quan trắc môi trường và kiểm soát, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh tại các vùng nuôi tôm tập trung, nguồn nước cấp, nguồn nước thải của các cơ sở nuôi, chế biến tôm.

- Vận động, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, biện pháp quản lý tiên tiến, thân thiện với môi trường; thay thế dần từ sử dụng hóa chất sang chế phẩm sinh học; không sử dụng thuốc kháng sinh, chất bảo quản trong sản xuất, chế biến tôm.

2. Về khoa học công nghệ và khuyến nông.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt là các công nghệ mang tính đột phá trong sản xuất giống, nuôi thương phẩm, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm tôm. Trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống Thủy sản Thanh Hóa tập trung vào nhiệm vụ nghiên cứu và sản xuất giống tôm có chất lượng cao, trực tiếp xây dựng, thực hiện các mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao để phổ biến nhân rộng.

- Tổ chức đánh giá, tổng kết các mô hình sản xuất thành công trong thực tiễn để phổ biến, tuyên truyền và nhân rộng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất như mô hình nuôi tôm 2 giai đoạn, mô hình Biofloc, mô hình nhà kính, nhà màng trong nuôi thâm canh; mô hình sử dụng giống tôm sú chất lượng cao, tôm chọn giống moana, mô hình nuôi bền vững trong nuôi tôm sú quảng canh cải tiến.

- Đa dạng hóa và mở rộng các hình thức tuyên truyền, tập huấn, chuyên giao kỹ thuật cho người sản xuất. Thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến ngư để xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến kỹ thuật cho phù hợp với điều kiện từng vùng sản xuất.

- Chủ động các biện pháp kiểm soát môi trường và dịch bệnh, xử lý chất thải trong ngành tôm.

3. Về phát triển thị trường

- Tăng cường nghiên cứu, cập nhật thông tin về thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước để làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển thị trường tiêu thụ.

- Từng bước chuyển dần từ xuất khẩu tiểu ngạch sang xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc và tiếp cận, mở rộng ra các thị trường khác.

- Tổ chức sản xuất theo các tiêu chuẩn chứng nhận, đáp ứng các chứng nhận như VietGAP, GlobalGAP để nhanh chóng tiếp cận thị trường và đáp ứng các yêu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng. Xây dựng thương hiệu cho tôm sú nuôi sinh thái có chất lượng cao để nâng giá trị sản phẩm tôm.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và kịp thời xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động thu mua, bảo quản tôm không đảm bảo an toàn thực phẩm.

4. Về thích ứng với biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường

- Cung cấp thông tin, cảnh báo tác động của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường đến các tổ chức, cá nhân tham gia trong chuỗi giá trị ngành tôm nhanh chóng, chính xác và kịp thời để có các biện pháp phòng ngừa, khắc phục hiệu quả.

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các mô hình sản xuất tôm thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với từng vùng sinh thái; tổ chức đánh giá, tổng kết các mô hình sản xuất hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu để tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến rộng rãi cho người nuôi tôm.

- Tăng cường công tác giám sát môi trường và áp dụng công nghệ sản xuất xanh vào chuỗi sản xuất tôm.

5. Về cơ chế chính sách

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả, đầy đủ các chính sách, các chương trình của Trung ương và của tỉnh liên quan đến phát triển ngành tôm: Chính sách đầu tư hạ tầng vùng nuôi tôm theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ tiền thuê đất để nuôi tôm chân trắng thâm canh tại Quyết định số 5643/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh; chính sách hỗ trợ nuôi tôm chân trắng áp dụng công nghệ cao theo Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh. Sử dụng hiệu quả vốn đầu tư cho nuôi trồng thủy sản theo Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020 và các chương trình, chính sách tín dụng hiện hành khác liên quan đến ngành tôm.

- Đẩy nhanh tiến độ, xây dựng, ban hành cơ chế chính sách thúc đẩy tích tụ ruộng đất để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao tại Thanh Hóa, trong đó có nuôi tôm thương phẩm.

- Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, người dân tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

6. Về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành tôm

- Khuyến khích các cơ sở nghiên cứu, đào tạo gắn kết với các doanh nghiệp, trang trại và cơ sở sản xuất tôm để đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn trong sản xuất giống, nuôi tôm thương phẩm để người sản xuất, doanh nghiệp tiếp cận các tiến bộ kỹ thuật mới.

7. Đầu tư và nguồn vốn.

Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động gắn với nguồn vốn của các chương trình, đề án, dự án, chính sách do trung ương, tỉnh phê duyệt trong giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn đến 2025 để thực hiện kế hoạch.

- Ngân sách Trung ương: Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước từ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025, trọng tâm là các Chương trình Khoa học công nghệ; Chương trình giống 2194; Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản theo Quyết định 332/QĐ-TTg ngày 03/3/2011; Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018, Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và các chính sách có liên quan đã được ban hành.

- Ngân sách tỉnh: Đầu tư, sử dụng hiệu quả cho các hoạt động quan trắc, cảnh báo môi trường, giám sát dịch bệnh; kinh phí thực hiện chính sách ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, khuyến nông, xúc tiến thương mại.

- Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác (nguồn vốn xã hội hóa, vốn tự có, vốn vay của các tổ chức tín dụng, vốn huy động trong nhân dân...) nhằm cải tạo, nâng cấp, đầu tư mới hạ tầng cơ sở nuôi tôm, vốn trực tiếp sản xuất tôm, khuyến nông tự nguyện.v.v.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch và thực hiện công tác kiểm tra, theo dõi, báo cáo và đề xuất UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm của quốc gia, của tỉnh đến mọi tầng lớp nhân dân, cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan để thực hiện.

- Thẩm định các dự án đầu tư phát triển nuôi tôm theo thẩm quyền; xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các chương trình khuyến ngư; đẩy mạnh phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ; các tổ chức Khoa học và Công nghệ khác trong công tác nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ mới trong sản xuất tôm.

- Tăng cường và thực hiện hiệu quả chức năng quản lý nhà nước về sản xuất của ngành tôm. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát sản xuất kinh doanh con giống, vật tư phục vụ ngành tôm trên địa bàn tỉnh; quan trắc môi trường và kiểm soát chặt tình hình dịch bệnh tại các vùng nuôi tôm tập trung; giám sát chặt chẽ nguồn nước cấp, nước thải của các cơ sở nuôi.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư phù hợp để phát triển cơ sở hạ tầng vùng nuôi tôm tập trung.

- Đề xuất giải pháp huy động các nguồn lực (bao gồm vốn ODA) để xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển ngành tôm.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ, bố trí nguồn vốn thực hiện kế hoạch theo cơ chế chính sách của địa phương.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các chính sách về tài chính theo quy định.

4. Sở Khoa học và công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

- Ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ để phát triển ngành tôm trong giai đoạn 2018-2025 theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thích ứng biến đổi khí hậu.

5. Sở Công Thương: Chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường để ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại trong sản xuất, kinh doanh tôm; kiểm soát sản phẩm nguyên liệu đầu và các thành phẩm sau thu mua, chế biến, lưu thông trên thị trường.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan đề xuất cơ chế, áp dụng chính sách nhằm tạo quỹ đất phục vụ phát triển ngành tôm; hướng dẫn nhà đầu tư sản xuất ngành tôm thực hiện trình tự, thủ tục giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, theo quy định của pháp luật về đất đai; thẩm định hồ sơ môi trường liên quan. Xây dựng, đề xuất các phương án, kịch bản ứng phó với biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường có thể tác động đến ngành tôm.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có sản xuất tôm.

Căn cứ các nhiệm vụ, chỉ tiêu được phân bổ trong kế hoạch để triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả tại địa phương; trọng tâm là:

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến nội dung kế hoạch đến các xã, vùng nuôi, doanh nghiệp và người dân có liên quan.

- Chi đạo, hướng dẫn các xã có vùng nuôi tôm tập trung tổ chức lại sản xuất vùng nuôi; lựa chọn hình thức tổ chức phù hợp, hoạt động có hiệu quả như: Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản, Hội nuôi trồng thủy sản, Tổ cộng đồng nuôi trồng thủy sản.

- Đôn đốc, hướng dẫn người dân áp dụng các tiến bộ khoa học, các công nghệ mới sản xuất tôm; khuyến khích đầu tư nuôi thâm canh, nuôi đảm bảo an toàn sinh học và khuyến khích các huyện, thành phố có chính sách hỗ trợ phù hợp, đặc thù để phát triển mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi, theo mô hình hợp tác xã, tổ cộng đồng nuôi trồng thủy sản.

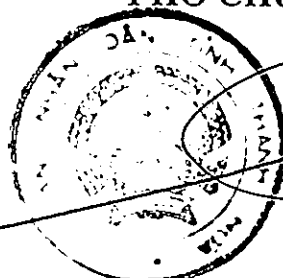
- Kiểm soát chặt hoạt động sản xuất, kinh doanh tôm giống, thức ăn, thuốc và chất xử lý cải tạo môi trường trong sản xuất tôm, trong thu mua và bảo quản tôm thương phẩm, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm tại địa phương.

Quá trình triển khai thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các sở, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/cáo);
- Các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
- UBND các huyện, thành phố có diện tích nuôi tôm nước lợ (t/hiện);
- Lưu: VP, NN.
(MC11.5.18)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

**Phụ lục 1: CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH TÔM TỈNH THANH HÓA
ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số: 101 /KH-UBND, ngày 11 /5 /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	ĐVT	Năm 2017	Năm 2020	Năm 2025	Tăng trưởng giai đoạn 2018 - 2020	Tăng trưởng giai đoạn 2020 - 2025
	Diện tích nuôi	ha	4.073	4.101	4.717	0,23	3,0
1	Tôm sú	ha	3.813	3.601	4.017	-1,8	1,05
-	Quảng canh, quảng canh cải tiến	-	3.813	3.601	4.017	-1,8	1,05
2	Tôm chân trắng	-	260	500	700	24,4	21,9
	Sản lượng thu hoạch	Tấn	4.000	7.220	10.700	21,6	21,7
1	Tôm sú	-	1.000	1.220	1.600	6,9	9,85
-	Quảng canh, quảng canh cải tiến	-	1.000	1.220	1.600	6,9	9,85
2	Tôm chân trắng	-	3.000	6.000	9.100	30	24,9
	Giá trị sản xuất	Triệu đồng	610	1.048	1.535	19,5	20,27
1	Tôm sú	-	220	268	352	5,7	9,85
2	Tôm chân trắng	-	390	780	1.183	30	24,85

Phụ lục 2: PHÂN BỐ CHỈ TIÊU DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG TÔM NƯỚC LỢ CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 101 /KH-UBND ngày 11/15/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Tôm nước lợ		Trong đó				
		Tổng DT (ha)	Tổng SL (tấn)	Tôm sú			Tôm chân trắng	
				Diện tích tôm sú (ha)	Diện tích tôm sú QC, QCCT (ha)	Sản lượng tôm sú QC, QCCT (tấn)	Diện tích tôm TCT (ha)	Sản lượng tôm TCT (tấn)
1	Nga Sơn	580	599	546	546	191	34	408
2	Hậu Lộc	510	1.450	400	400	130	110	1.320
3	Hoàng Hóa	1.650	1.980	1.530	1.530	540	120	1.440
4	TP. Sầm Sơn	28	79	22	22	7	6	72
5	TP. Thanh Hóa	30	9	30	30	9	0	0
6	Quảng Xương	700	1.029	630	630	189	70	840
7	Tĩnh Gia	400	1.886	250	250	86	150	1.800
8	Nông Cống	203	188	193	193	68	10	120
Tổng cộng		4.101	7.220	3.601	3.601	1.220	500	6.000

**Phụ lục 3: PHÂN BỐ CHỈ TIÊU DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG TÔM NƯỚC LỢ CÁC
ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số: 101 /KH-UBND, ngày 11 /5 /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Tôm nước lợ		Trong đó				
		Tổng diện tích (ha)	Tổng sản lượng (tấn)	Tôm sú			Tôm chân trắng	
				Diện tích tôm sú (ha)	Diện tích tôm sú QC, QCCT (ha)	Sản lượng tôm sú QC, QCCT (tấn)	Diện tích tôm TCT (ha)	Sản lượng tôm TCT (tấn)
1	Nga Sơn	554	902	500	500	200	54	702
2	Hậu Lộc	588	3.007	368	368	147	220	2.860
3	Hoàng Hóa	2.180	2.888	2.020	2.020	808	160	2.080
4	TP. Sầm Sơn	28	87	22	22	9	6	78
5	TP. Thanh Hóa	30	12	30	30	12	0	0
6	Quảng Xương	700	1.414	610	610	244	90	1.170
7	Tĩnh Gia	400	2.050	250	250	100	150	1.950
8	Nông Cống	237	347	217	217	80	20	260
Tổng cộng		4.717	10.700	4.017	4.017	1.600	700	9.100